

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 235 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 6 Ngày: 4/2/2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi
và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt
Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo, tỉnh Gia Lai**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại các văn bản: số 64/TTr-BVHTTDL ngày 17 tháng 3 năm 2025, số 441/TTr-BVHTTDL ngày 16 tháng 10 năm 2025, số 617/TTr-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2025 và số 250/BVHTTDL-DSVH ngày 19 tháng 01 năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo, tỉnh Gia Lai, với các nội dung sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch (xác định theo Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025), bao gồm các: phường An Khê, xã Cửu An, xã Ya Hội, xã Kông Bơ La và xã Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

b) Quy mô lập quy hoạch: có tổng diện tích 66,55 ha, gồm: Diện tích khoanh vùng Khu vực bảo vệ I và II của Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo, khoảng 46,55 ha và phần diện tích khoảng 20 ha khoanh vùng bổ sung vào Khu vực bảo vệ II để phát huy giá trị Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo; cụ thể gồm các điểm di tích như sau:

- Tại phường An Khê: Điểm di tích An Khê Trường, An Khê Đình, Điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt và công trình nhà trưng bày Tây Sơn Thượng Đạo;

- Tại thôn Thượng An, xã Cửu An: Điểm di tích Miếu Xà, Cây Ké phát cò và Cây Cày nổi trổng;

- Tại thôn Thượng An, xã Cửu An: Điểm di tích Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, Gò Kho, xóm Ké;

- Tại xã Cửu An: Điểm di tích Đình Cửu An và điểm di tích Dinh Bà;

- Tại xã Cửu An: Điểm di tích Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho;

- Tại thị xã Cửu An: Điểm di tích Núi Hoàng Đế;

- Tại làng Đê Chơ Gang, xã Ya Hội: Điểm di tích Hòn đá Ông Nhạc;

- Tại xã Kông Bơ La: Điểm di tích vườn Mít và Cánh đồng cô Hầu;

- Tại làng Hlang, xã Kông Chro: Các điểm di tích nền Nhà, Hồ nước và Kho tiền ông Nhạc;

c) Ranh giới lập quy hoạch được xác định như sau: Phía Bắc giáp đường Nguyễn Thiếp; phía Nam giáp đường Ngô Thì Nhậm (nổi dài) và hẻm bê tông đường Võ Thị Sáu; phía Đông giáp đường Ngô Thì Nhậm và phía Tây giáp đường Nguyễn Lữ.

Quy mô, vị trí và ranh giới được thể hiện tại Bản đồ phạm vi lập quy hoạch thuộc Hồ sơ Nhiệm vụ lập Quy hoạch và tiếp tục được nghiên cứu, xác định cụ thể, chi tiết tại bước tổ chức khảo sát, nghiên cứu lập quy hoạch.

2. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch

a) Giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc - nghệ thuật, thẩm mỹ của toàn bộ các điểm di tích thành phần của Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo; không gian cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái xung quanh và một số khu vực cảnh quan phụ cận có liên quan bao quanh di tích.

b) Các giá trị di sản văn hóa phi vật thể: Lễ hội, văn hóa tín ngưỡng, truyền thuyết dân gian, phong tục tập quán của người dân địa phương tại các điểm di tích thành phần; các công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng; cộng đồng dân cư sinh sống trong khu vực.

c) Công tác quản lý, bảo vệ, đầu tư xây dựng và phát huy giá trị di tích; điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các yếu tố về kinh tế - xã hội, dân cư, môi trường liên quan tới di tích; thực trạng hoạt động du lịch tại khu vực di tích và ở địa phương; các thể chế và chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án có liên quan khác trên địa bàn nghiên cứu lập quy hoạch;

d) Vị trí, vai trò và mối liên hệ của Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo với các di tích khác lân cận và các địa điểm có giá trị khác trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở phát triển các dịch vụ du lịch, xây dựng tuyến du lịch liên kết.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

a) Bảo tồn Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo; di tích duy nhất gắn liền với Phong trào nông dân Tây Sơn ở khu vực Tây Nguyên, cầu nối giao lưu quan trọng giữa miền xuôi và miền Thượng. Làm cơ sở khoa học cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững, gìn giữ cho các thế hệ sau các giá trị nổi bật về văn hóa, lịch sử, cảnh quan tự nhiên, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho người dân trong vùng.

b) Phát huy và khai thác có hiệu quả giá trị của Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo trở thành một trong những trung tâm văn hóa, tín ngưỡng của tỉnh Gia Lai; có giá trị tiêu biểu về du lịch văn hóa, địa chất, địa hình và các di tích khảo cổ học sơ kỳ đá cũ An Khê; phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc Kinh - Ba Na; hình thành điểm đến hấp dẫn khách du lịch, tạo nguồn thu cho địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo nguồn lực để bảo tồn di tích.

c) Xác định các chức năng khu dân cư, khu vực bảo vệ cảnh quan, môi trường. Tổ chức không gian và bố trí hệ thống hạ tầng giao thông, kỹ thuật phù

hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Định hướng kế hoạch, lộ trình và các giải pháp tổng thể quản lý, đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch.

d) Làm căn cứ pháp lý để quản lý và bảo vệ di tích; lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai các dự án thành phần bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; xây dựng các quy định để quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan di tích và các khu vực liên kề di tích, phù hợp với quy hoạch được duyệt và quy hoạch khác có liên quan.

4. Tính chất khu vực lập quy hoạch: Là Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt; khu vực sinh sống lâu đời của đông bào các dân tộc; địa bàn có vai trò quan trọng về quốc phòng - an ninh của vùng Tây Nguyên; khu chức năng kết hợp bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, hình thành điểm du lịch - văn hóa.

5. Nội dung Nhiệm vụ lập quy hoạch

a) Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát, đánh giá hiện trạng di tích: Đánh giá công tác bảo tồn (yếu tố gốc của di tích), vị trí và điều kiện tự nhiên, cảnh quan, cơ sở hạ tầng xã hội, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường như sau:

- Đánh giá hiện trạng về công tác bảo quản, tu bổ, phục dựng Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo (Di tích); về vị trí và mối quan hệ khu vực, cấu trúc, cảnh quan khu vực nghiên cứu lập quy hoạch Di tích.

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch Di tích (giao thông, nguồn cấp nước, nước thải và vệ sinh môi trường, cấp điện và thông tin liên lạc).

- Khảo sát, đánh giá cảnh quan và môi trường sinh thái: Hệ thống động thực vật, mối quan hệ giữa cảnh quan thiên nhiên và cảnh quan nhân tạo tại khu vực nghiên cứu lập quy hoạch Di tích.

- Xác định nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi Di tích, gồm: phương án bảo tồn di tích gốc, các giá trị lịch sử kiến trúc, nghệ thuật, lịch sử, văn hóa, khoa học, biểu tượng của Di tích; lập danh mục các công trình cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo tồn đối với từng hạng mục của Di tích.

- Xác định giải pháp bảo tồn giá trị văn hóa phi vật thể gắn với Di tích, nhất là các sinh hoạt, tín ngưỡng, văn hóa nghệ thuật, bảo tồn không gian văn hóa cộng đồng Tây Nguyên tại địa phương, bảo tồn và phát huy các phong tục tập quán gắn bó mật thiết với đời sống của cư dân trong khu vực di tích phân bố.

- Xác định ranh giới khu vực bảo vệ di tích; nghiên cứu, kiến nghị về việc điều chỉnh mở rộng hoặc thu hẹp ranh giới các khu vực bảo vệ di tích hiện nay của Di tích (nếu có).

b) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di tích, mối liên hệ Di tích được quy hoạch với các di tích khác trong khu vực nghiên cứu

- Nhận diện các yếu tố đặc trưng, yếu tố cấu thành di tích:

- + Giá trị cấu trúc quy hoạch, nền cảnh thiên nhiên, không gian và cảnh quan truyền thống Di tích (cảnh quan đô thị, sông, khu du lịch...);

- + Giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa (vật thể và phi vật thể), khảo cổ học, kiến trúc, nghệ thuật, từ đó làm cơ sở xác định định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Đánh giá mối liên kết vùng và mối liên hệ với hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, cảnh quan trong và ngoài địa bàn tỉnh để xác định tiềm năng kết nối tuyến, điểm du lịch.

c) Nội dung và định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

- Đề xuất định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; xác định danh mục các di tích bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo tồn đối với từng hạng mục di tích.

- Xác định nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; giải pháp gắn kết hài hòa việc bảo tồn, tôn tạo di tích và bảo vệ cảnh quan tự nhiên với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở tài nguyên di sản còn lưu giữ được, định hướng bảo tồn như sau: Bảo tồn nguyên trạng công trình Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo; tôn tạo, chỉnh trang cảnh quan, các hạng mục hạ tầng thiết yếu, cây xanh trong Khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II của Di tích (46,55 ha). Khu vực khoanh vùng bổ sung để phát huy giá trị cho Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo khoảng 20 ha. Xác định một số vị trí hình thành chức năng thương mại dịch vụ du lịch phục vụ cộng đồng và khách tham quan du lịch.

d) Định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới:

- Bảo quản, tu bổ và tôn tạo các hạng mục công trình di tích, cần bảo vệ tối đa các yếu tố nguyên gốc, đảm bảo giữ gìn môi trường cảnh quan thiên nhiên của di tích. Các hạng mục kiến trúc gốc hiện còn tại di tích cần được bảo tồn, tu bổ, trên cơ sở kiến trúc gốc, đảm bảo các yêu cầu cao về kỹ thuật, mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng, tâm linh của mọi tầng lớp nhân dân.

- Bảo tồn, bảo vệ khuôn viên cảnh quan, môi trường sinh thái tự nhiên khu vực di tích, cần lựa chọn các loại cây xanh có xuất xứ bản địa, thường được sử dụng trồng trong các không gian di tích để trồng trong khuôn viên di tích.

- Các hạng mục công trình phụ trợ, công trình khai thác phát huy giá trị di tích (như: khu dịch vụ, khu văn hóa, lễ hội, bãi đỗ xe, biển chỉ dẫn,...) phải bảo đảm quy mô phục vụ di tích, nằm ở những vị trí thích hợp không làm ảnh hưởng đến không gian và các hoạt động tế lễ tại di tích, với quy mô, hình thức kiến trúc, chiều cao công trình, vật liệu sử dụng phù hợp với không gian Di tích.

- Định hướng về việc bảo tồn và phát triển không gian, cảnh quan di tích, gắn kết di tích gốc với cảnh quan sinh thái và các giá trị văn hóa phi vật thể đặc trưng của vùng, gìn giữ và phát huy giá trị di tích được bền vững, đồng thời gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sự phát triển của các ngành có liên quan như du lịch, dịch vụ, ngành nghề thủ công.

- Lựa chọn điểm di tích chính để bảo tồn, đồng thời xây dựng các hạng mục công trình để khai thác, phát huy giá trị di tích để di tích trở thành trung tâm du lịch văn hóa, lễ hội và sinh thái như: Cụm di tích Lũy An Khê, An Khê Trường, Gò chợ; Vườn Mít và cánh đồng cô Hầu.

- Các điểm di tích khác còn lại được tập trung khoanh vùng bảo tồn, tôn tạo di tích để trở thành những điểm tham quan trên tuyến du lịch về nguồn của tỉnh Gia Lai như: Nền nhà, Hồ nước, kho tiền ông Nhạc, Miếu Xà,...

+ Khu vực An Khê Trường, An Khê Đình, điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt và Nhà trưng bày Tây Sơn Thượng Đạo: Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ, hình thành khu trung tâm cho toàn di tích Tây Sơn Thượng Đạo phục vụ các hoạt động lễ hội, sự kiện chính trị của địa phương, làm cơ sở hậu cần tiếp đón du khách. Bảo quản, tu bổ đối với điện thờ Tây Sơn Tam Kiệt.

Lũy An Khê: Nghiên cứu thu thập, khảo sát đánh giá kỹ về hiện trạng và các giai đoạn sau khi có điều kiện tiến hành nghiên cứu khảo cổ để phục dựng, tôn tạo từng đoạn của di tích Lũy An Khê.

Gò chợ: Nghiên cứu thu thập, khảo sát đánh giá kỹ về hiện trạng, khoanh vùng bảo vệ một số vị trí thuận lợi về mặt bằng xây dựng và các giai đoạn sau khi có điều kiện tiến hành nghiên cứu khảo cổ để phục dựng di tích Gò chợ.

Bảo quản, tu bổ, phục hồi các hiện vật, công trình, cảnh quan trong khuôn viên từng di tích theo đúng quy định. Chống mối mọt, rêu mốc và bảo vệ bề mặt các công trình di tích và vật thờ bằng hóa chất chuyên dụng. Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng trong khuôn viên di tích: Cấp điện, cấp nước, thoát nước,...

Nghiên cứu, hình thành khu vực tổ chức sự kiện; công viên chuyên đề, trải nghiệm và hệ thống các công trình dịch vụ, phụ trợ: Khu dịch vụ, đón tiếp; khu vệ sinh; bãi đỗ xe; hệ thống biển chỉ dẫn;...

+ Miếu Xà, Cây Ké phát cờ, Cây Cầy nổi trổng: Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng

mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử; bảo đảm bảo tồn các giá trị văn hóa cốt lõi của người Ba Na. Tu bổ, tôn tạo công trình di tích. Xây dựng bia dẫn tích kết hợp phù điêu, biểu tượng liên quan đến sự kiện chém rắn, nổi trống phát cờ; nghi môn, cổng, tường rào cho toàn khu.

Xây dựng công trình phụ trợ: Sân bê tông, đường nội bộ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật,... Nghiên cứu việc xây dựng mới nhà truyền thống thôn Thượng An kết hợp trưng bày thông tin về di tích.

+ Hòn Bình, Hòn Nhược, Hòn Tào, Gò Kho, xóm Ké:

Thực hiện khoanh vùng địa điểm bảo vệ di tích: Do di tích nằm trên địa bàn rộng, không còn dấu tích do đó đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử. Cắm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích. Xây dựng bia dẫn tích; hàng rào bảo vệ khu di tích.

Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích. Nghiên cứu, xây dựng công trình phụ trợ: Sân bê tông, đường nội bộ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, tường bao quanh bảo vệ di tích và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ,...

+ Đình Cửu An, Dinh Bà: Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ khu di tích, hình thành khu trung tâm cho toàn di tích Tây Sơn Thượng Đạo phục vụ các hoạt động lễ hội, sự kiện chính trị của địa phương và cơ sở hậu cần cho du khách về thăm di tích. Tu bổ, tôn tạo công trình di tích.

Bảo quản, tu bổ, phục hồi các hiện vật, công trình, cảnh quan trong khuôn viên từng di tích theo đúng quy định. Chống mối mọt, rêu mốc và bảo vệ bề mặt các công trình di tích và vật thờ bằng hóa chất chuyên dụng. Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng trong khuôn viên di tích: Cấp điện, cấp nước, thoát nước,...

Xây dựng bia dẫn tích kết hợp phù điêu, biểu tượng liên quan đến sự kiện chém rắn, nổi trống phát cờ; nghi môn, cổng, tường rào cho toàn khu. Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích. Xây dựng công trình phụ trợ: Sân bê tông, đường nội bộ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật,...

+ Gò Đồn, Gò Trại, Vườn Lính, Mễ Kho: Thực hiện việc khoanh vùng địa điểm bảo vệ di tích: Do di tích nằm trên địa bàn rộng, không còn dấu tích do đó đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích.

Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử. Cắm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích. Xây dựng bia dẫn tích.

Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích. Nghiên cứu, xây dựng các công trình phụ trợ: Sân bê tông, đường nội bộ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, tường bao quanh bảo vệ di tích và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ,...

+ Núi Hoàng Đế: Thực hiện khoanh vùng địa điểm bảo vệ di tích: Do di tích nằm trên địa bàn rộng, không còn dấu tích do đó đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử. Cắm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích. Xây dựng bia dẫn tích.

Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích. Nghiên cứu, xây dựng công trình phụ trợ: Sân bê tông, đường nội bộ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe, tường bao quanh bảo vệ di tích và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ,...

+ Hòn đá ông Nhạc: Đề xuất ranh giới khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử. Xây dựng hàng rào bảo vệ khu di tích; nhà bao che bảo vệ di tích. Xây dựng công trình tưởng niệm: Nhà tưởng niệm, bia tưởng niệm. Xây dựng mới bia dẫn tích, biển chỉ dẫn. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ khác: Sân bê tông, cổng vào, khu vệ sinh, chòi nghỉ chân, giao thông nội bộ,...nâng cấp, cải tạo đường vào di tích.

+ Vườn Mít, cánh đồng cô Hầu: Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử; hình thành cụm di tích tham quan và trải nghiệm sinh thái.

Bảo tồn các cây mít cổ thụ, không sử dụng các biện pháp tác động trực tiếp đến cây mít như đóng biển lên cây,... Khoanh vùng, làm hàng rào bảo vệ, chăm sóc, bảo vệ các cây mít cổ thụ. Trồng mới các cây mít thay thế cho vườn mít cổ thụ đã chết trước kia.

Xây dựng mới bia dẫn tích, biển chỉ dẫn; các công trình tâm linh, tưởng niệm: Đền thờ bà Ya Đố. Nghiên cứu, xây dựng mới các công trình để bảo vệ di tích: Cổng vào, hàng rào bảo vệ,...; nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích, đường giao thông nội bộ; xây dựng mới các công trình khai thác, phát huy giá trị di tích: Khu trải nghiệm sinh thái; Hệ thống đường dạo phục vụ tham quan, trải nghiệm.

+ Nền nhà, Hồ nước, Kho tiền ông Nhạc:

Đối với điểm di tích Nền nhà và điểm di tích Hồ nước: Đề xuất ranh giới và cắm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín

ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử. Tiến hành công tác khảo cổ khu vực nền nhà, hồ nước ông Nhạc để tu bổ, phục dựng lại di tích. Cấm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích. Xây dựng nhà trưng bày; bia dẫn tích kết hợp với phù điêu hoặc biểu tượng về tinh thần đoàn kết các dân tộc. Xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ: Khu dịch vụ, chòi nghỉ cho du khách, khu vệ sinh, bãi đỗ xe; Cổng vào, hàng rào, kè đá hồ nước, sân nền,... Nâng cấp, cải tạo đường vào khu di tích.

Đối với điểm di tích Kho tiền ông Nhạc: Đề xuất ranh giới và cấm mốc khoanh vùng bảo vệ di tích. Bảo tồn địa điểm di tích, xây dựng các hạng mục công trình nhằm tôn vinh và phát huy giá trị di tích, phục vụ nhu cầu tín ngưỡng, tham quan, tìm hiểu lịch sử. Cấm biển chỉ dẫn ở các trục đường chính vào khu di tích. Xây dựng bia dẫn tích; hàng rào bảo vệ khu di tích. Xây dựng mới các công trình phụ trợ: Khu dịch vụ, khu vệ sinh, bãi đỗ xe... Xây dựng đường giao thông nội bộ tới vị trí kho tiền.

+ Các hạng mục công trình dịch vụ, phụ trợ: Khu dịch vụ; nhà Ban quản lý; bãi đỗ xe; khu vệ sinh,...

đ) Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững: Định hướng liên kết không gian phát huy giá trị di tích Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo với 3 trục động lực trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp với tính chất của quy hoạch di tích; cụ thể:

- Liên kết về văn hóa - lịch sử:

+ Kết nối Quần thể di tích Tây Sơn Thượng Đạo với hệ thống di tích lịch sử - văn hóa khác trên địa bàn Bình Định và khu vực Tây Nguyên, đặc biệt là các di tích gắn liền với phong trào Tây Sơn và các nhân vật lịch sử tiêu biểu;

+ Hình thành mạng lưới tham quan - nghiên cứu - giáo dục truyền thống, góp phần lan tỏa giá trị lịch sử - cách mạng đến cộng đồng, học sinh, sinh viên và du khách;

+ Phát triển các tuyến tham quan chuyên đề: “Dấu ấn Tây Sơn trong lịch sử dân tộc”, “Không gian căn cứ kháng chiến Tây Sơn Thượng Đạo”, “Nhân vật lịch sử và văn hóa Tây Sơn”.

- Liên kết về sinh thái và văn hóa cộng đồng:

+ Gắn kết cảnh quan sinh thái tự nhiên (rừng, núi, sông suối) với không gian di tích, nhằm tạo ra trải nghiệm hài hòa giữa thiên nhiên và văn hóa;

+ Kết nối với các làng nghề truyền thống, lễ hội dân gian, sinh hoạt văn hóa của cộng đồng địa phương (người Kinh, Bana, H'Ré...), qua đó vừa bảo tồn bản sắc văn hóa, vừa nâng cao sinh kế bền vững cho cư dân;

+ Hình thành không gian “di sản sống” nơi cộng đồng trở thành chủ thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Liên kết về vui chơi, giải trí gắn với du lịch:

+ Tích hợp không gian di tích với hệ thống hạ tầng du lịch - dịch vụ của tỉnh Gia Lai (phường Quy Nhơn, các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng vùng Tây Sơn, An Khê - Gia Lai);

+ Phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm: tham quan, tìm hiểu lịch sử, du lịch sinh thái, đi bộ dã ngoại theo “dấu chân nghĩa quân Tây Sơn”, trải nghiệm văn hóa cộng đồng;

+ Kết nối với các khu vui chơi, nghỉ dưỡng, dịch vụ giải trí đa dạng hóa trải nghiệm cho du khách, đồng thời vẫn đảm bảo nguyên tắc bảo tồn bền vững và không làm biến dạng giá trị gốc của di tích.

e) Định hướng cải tạo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật:

Tổ chức giao thông tiếp cận, giao thông nội bộ khu di tích. Chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn, đấu nối thuận lợi với khu vực xung quanh. Định hướng phát triển hệ thống thông tin liên lạc bảo đảm yêu cầu về thông tin, quảng bá và phục vụ cho các khu chức năng của di tích, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc thông suốt của du khách.

g) Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường trong phạm vi quy hoạch di tích:

- Đánh giá, nhận diện các nguy cơ gây ô nhiễm; dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong khu vực quy hoạch.

- Đề xuất giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai. Lập kế hoạch giám sát về môi trường, về kỹ thuật, về quản lý và quan trắc môi trường.

- Đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch; các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch;

h) Đề xuất nhóm dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn đầu tư:

- Xác định yêu cầu, tiêu chí lựa chọn danh mục các dự án đầu tư, danh mục các nhóm dự án thành phần, bao gồm: Nhóm dự án giải phóng mặt bằng và

cấm mốc giới bảo vệ di tích; nhóm dự án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; nhóm dự án bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa của di tích, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng gắn với di tích; nhóm dự án bảo vệ và phát triển hệ sinh thái biển gắn với các hoạt động dân sinh kết hợp phát triển du lịch; nhóm dự án phát triển sản phẩm và xây dựng các công trình dịch vụ du lịch; nhóm dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

- Phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn đầu tư phù hợp với từng thời kỳ quy hoạch.

- Xác định danh mục dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và ngân sách trung ương theo từng giai đoạn; làm rõ căn cứ đề xuất vốn ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ quy hoạch

6. Thời kỳ và tầm nhìn của quy hoạch; cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Thời kỳ và tầm nhìn của quy hoạch: Thời kỳ quy hoạch đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đề xuất cơ chế, chính sách quản lý, giải pháp thực hiện quy hoạch, quy chế quản lý việc xây dựng các công trình trong khu vực quy hoạch, gồm:

- Giải pháp thực hiện Quy hoạch: Giải pháp về quản lý; giải pháp về huy động nguồn lực bảo vệ di tích; giải pháp tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng; giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ di tích và các giải pháp khác.

- Định hướng quản lý Quy hoạch: Đối với các khu vực bảo vệ di tích (diện tích 46,55 ha) tổ chức quản lý theo Luật Di sản văn hóa và các quy định khác có liên quan; đối với khu vực mở rộng xung quanh di tích (diện tích 20 ha) tổ chức quản lý theo quy hoạch đô thị và các quy định khác có liên quan.

7. Hồ sơ sản phẩm:

Hình thức, quy cách thể hiện, thành phần hồ sơ sản phẩm quy hoạch di tích bảo đảm tuân thủ quy định tại Luật Di sản văn hóa năm 2024 và Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025. Cụ thể:

a) Các văn bản, tài liệu:

- Báo cáo thuyết minh quy hoạch di tích (gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025);

- Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch di tích và dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch;

- Các văn bản thẩm định: Nhiệm vụ lập quy hoạch, quy hoạch di tích; bản tiếp thu, giải trình ý kiến các bộ, ngành, cơ quan và ý kiến của Hội đồng thẩm định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, của cộng đồng dân cư tại nơi có di tích và ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Hệ thống Bản đồ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025; các bản vẽ minh họa khác với tỷ lệ phù hợp (nếu có); trong đó:

- Bản đồ số và bản đồ in, gồm:

+ Bản đồ vị trí di tích và mối liên hệ với di tích khác trong khu vực nghiên cứu quy hoạch tỷ lệ 1/5.000 - 1/15.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

+ Bản đồ hiện trạng về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và bản đồ quy hoạch xây dựng các khu vực đã được phê duyệt tỷ lệ 1/500 - 1/2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

+ Bản đồ xác định khu vực bảo vệ và cấm mốc giới di tích; khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích tỷ lệ 1/500 - 1/2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng; phương án quy hoạch bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích và phát huy giá trị di tích, tỷ lệ 1/500 - 1/2.000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

+ Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, xây dựng công trình mới và hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500 - 1/2000 hoặc tỷ lệ phù hợp;

- Các bản đồ cần thiết khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Hồ sơ lưu trữ quy hoạch theo quy định của pháp luật về lưu trữ (bao gồm cả định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần hồ sơ nêu trên).

8. Thời gian lập quy hoạch: Không quá 24 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch được duyệt (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt dự toán, đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn, thẩm định, phê duyệt quy hoạch).

9. Phân công trách nhiệm:

- Cấp phê duyệt: Thủ tướng Chính phủ;

- Cơ quan chủ trì thẩm định và trình duyệt: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có trách nhiệm:

a) Bố trí nguồn vốn, phê duyệt dự toán chi phí lập quy hoạch và các chi phí khác có liên quan đến công tác lập quy hoạch; phân công cơ quan chủ đầu tư; lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành liên quan tổ chức lập, trình phê duyệt hồ sơ, đồ án quy hoạch theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa và quy định pháp luật liên quan; chịu trách nhiệm và bảo đảm thực hiện nghiêm, đầy đủ quy định về lấy ý kiến cộng đồng, chuyên gia, nhà khoa học, nhà nghiên cứu, kiến trúc sư, và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan tại địa phương trong quá trình tổ chức lập quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan chức năng có liên quan đối với phạm vi, ranh giới quy hoạch đề xuất; về trình tự, thủ tục, tính chính xác, hợp pháp của nội dung, tài liệu, số liệu, thông tin báo cáo, bản đồ tại hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch và trong quá trình tổ chức lập quy hoạch; bảo đảm nội dung các định hướng, đề xuất trong quy hoạch tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không hợp pháp hóa các sai phạm (nếu có), lồng ghép phương án quản lý chất thải, thoát nước, phòng cháy, chữa cháy rừng; phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh Gia Lai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch:

a) Chịu trách nhiệm về số liệu, kết quả thẩm định, nội dung trình phê duyệt hồ sơ Nhiệm vụ lập quy hoạch; về nội dung đã báo cáo và đề xuất, kiến nghị tại các văn bản: số 441/TTr-BVHTTDL ngày 16 tháng 10 năm 2025, số 617/TTr-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2025 và số 250/BVHTTDL-DSVH ngày 19 tháng 01 năm 2026;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, đồ án quy hoạch và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật; giám sát, kiểm tra tiến độ lập quy hoạch, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng nội dung, đúng kế hoạch theo Nhiệm vụ lập quy hoạch được phê duyệt.

3. Các bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai trong quá trình khảo sát, nghiên cứu, tổ chức lập quy hoạch, bảo đảm chất lượng, tiến độ, hiệu quả, chống lãng phí; phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong việc thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: VHTTDL, NNMT, TC;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Thư ký PTTg Mai Văn Chính, TGD Công TTĐT, các Vụ: TH, PL, CN, NN, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, KGVX (03).PL.

18

